

PHỤ LỤC

(Kèm Thư mời số 517/TM-BV ngày 05/12/2024 của Bệnh viện)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Dịch lọc thận nhân tạo (dịch A)	Can 10 lít dung dịch đậm đặc chứa: • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calciclorid.2H2O: 99.24 g • Magnesi clorid.6H2O: 45.75g • Acid acetic băng: 81.00g • Glucose H2O : 494.99g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EU	Lít	29.000	
2	Dịch lọc thận nhân tạo (dịch B)	Can 10 lít dung dịch đậm đặc chứa: • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H2O: 0,5 g • pH: 7.3 - 8.6 • Al ≤ 0.1 mg/ml trên chế phẩm chưa pha loãng • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EU	Lít	29.000	
3	Hóa chất xét nghiệm theo máy BD Phoenix™				
3,1	Canh trường làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn gram âm và gram dương	- Thành phần Canh trường Mueller Hinton, và Polysorbate 80. - Bảo quản ở 2 - 25°C.	Ống	1.800	
3,2	Thẻ vừa định danh vừa kháng sinh đồ gram âm	-Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi . - Phần định danh có 45 giếng cơ chất hóa sinh và 2 giếng huỳnh quang - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm:Beta-lactam, Aminoglycoside, Quinolone, Cyclic peptide, Tetracycline, Fosfomycin, Glycylcycline, Folate Antagonist, - Bảo quản ở 15 - 25°C.	Panel	700	
3,3	Thẻ vừa định danh vừa kháng sinh đồ gram dương	-Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Phần định danh có 45 giếng cơ chất hóa sinh và 2 giếng huỳnh quang - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm:Beta-lactam, Aminoglycoside, Macrolides, Lincosamides , Quinolone, Tetracycline, Fusidiane, Nitrofurran, Glycopeptide, Folate Antagonist. - Bảo quản ở 15 - 25°C.	Panel	900	
3,4	Canh trường định danh vi khuẩn	- Thành phần: Potassium chloride , Calcium chloride, Tricine glycine, và Polysorbate 80. - Bảo quản ở 2 - 25°C.	Ống	2.300	
3,5	Chỉ thị làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn gram âm và gram dương	- Thành phần: (công thức trên 1 Lit nước tinh khiết): Redox indicator <3g, Redox stabilizers < 20g - Bảo quản ở 2 - 8°C.	Lọ	15	
3,6	Thẻ vừa định danh vừa kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Streptococcus	-Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loài vi khuẩn Streptococcus có nguồn gốc. - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Phenicol, Macrolides Lincosamides, Quinolone, Oxazolidinone, Glycopeptide, Tetracycline, Folate Antagonist. - Bảo quản ở 15 - 25°C.	Panel	40	
3,7	Chỉ thị làm kháng sinh đồ cho liên cầu khuẩn	- Thành phần: (công thức trên 1 Lit nước tinh khiết): Redox indicator < 1.5g, Redox stabilizers < 20g - Bảo quản ở 2 - 8°C.	Lọ	4	
3,8	Canh trường làm kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Streptococcus	- Thành phần:Casein của Pancreatic Digest, Peptones, Thymidine Phosphorylase và Polysorbate. - Bảo quản ở 2 - 25°C.	Ống	40	
4	Hóa chất xét nghiệm theo máy khí máu GEM 3500				
4,1	Khí máu, điện giải, Glu, Lac và Hct - 300 tests 3 tuần Đo các thông số: pH, pCO2, pO2, Hct, Na+, K+, Ca++, Glucose và Lactate	Bộ kit xét nghiệm khí máu, điện giải, chuyển hóa, xét nghiệm các thông số: pH, pO2, pCO2, Hct, Na+, K+, Ca++, Glucose và Lactate có tích hợp quản lý chất lượng IQM Thành phần: - Bộ kit bao gồm dung dịch chuẩn , tất cả điện cực đo, kim hút, dây bơm, túi chứa thái tích hợp trong một khối - Khoảng đo: pH 6,80 to 7,80 0,01; pCO2: 5-115 mmHg; pO2: 0-760 mmHg; Na+: 100-200 mmol/L; K+: 0,1-20,0 mmol/L; Ca++: 0,10-5,00 mmol/L;Glu: 5-500 mg/dL; Lac: 0,2-15,0 mmol/L; Hct: 15-65% Điều kiện bảo quản: - Từ 15 đến 25 độ C Tiêu chuẩn chất lượng: IVD – 98/79/EC, FDA/ISO 13485	Test	3.900	

5	Găng kiểm tra dùng trong y tế các size (có bột)	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 6343. Được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...), có phủ bột chống dính, thấm thấu được, không gây kích ứng da tay. Sản phẩm được sản xuất theo công nghệ chất lượng cao. Chưa tiệt trùng. Không phân biệt tay trái và tay phải, thuận cả 2 tay, bền, không rách, không lủng, có viền mép, bề mặt nhám hoặc nhẵn, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng. - Chiều dài (min): 240 mm. - Chiều dày 1 lớp (min): 0.10mm - Chiều rộng: size XS: 70±10mm; size S: 80±10mm; size M: 95±10mm; size L: 111±10mm; size XL: ≥ 110 mm. - Cường lực kéo đứt: trước già hóa ≥ 7N; sau già hóa ≥ 6N. - Độ đàn hồi: trước già hóa ≥ 650%, sau già hóa ≥ 500%. - Hàm lượng Protein: ≤ 200µg/dm² - Lượng bột: ≤ 10mg/dm² - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO; CE; CFS 	Đôi	450.000	
6	Găng kiểm tra dùng trong y tế các size (không bột)	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 6343. Được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...), không phủ bột, không gây kích ứng da tay. Sản phẩm được sản xuất theo công nghệ chất lượng cao. Chưa tiệt trùng. Không phân biệt tay trái và tay phải, thuận cả 2 tay, bền, không rách, không lủng, có viền mép, bề mặt nhám hoặc nhẵn, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng. - Chiều dài (min): 240 mm. - Chiều dày 1 lớp (min): 0.10mm - Chiều rộng: size XS: 70±10mm; size S: 80±10mm; size M: 95±10mm; size L: 111±10mm; size XL: ≥ 110 mm. - Cường lực kéo đứt: trước già hóa ≥ 7N; sau già hóa ≥ 6N. - Độ đàn hồi: trước già hóa ≥ 650%, sau già hóa ≥ 500%. - Hàm lượng Protein: ≤ 200µg/dm² - Lượng bột: ≤ 2mg/chiếc - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO; CE; CFS 	Đôi	370.000	
7	Găng tay y tế phẫu thuật các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất theo tiêu chuẩn: ISO 10282-2014 và TCVN 6344. Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...), có phủ bột ngô biến tính chống dính, thấm thấu được (Theo Dược điển Mỹ), không bị dị ứng khi sử dụng. Sản phẩm được sản xuất theo công nghệ chất lượng cao. Tiệt trùng bằng khí EO, tiệt trùng từng đôi một. Găng có tay phải tay trái riêng biệt, bền, không rách, không lủng, có viền mép, bề mặt nhám hoặc nhẵn, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng. Găng có khả năng chống sự rò rỉ điện đối với các thiết bị hỗ trợ mổ cao tần. - Chiều dài (min): 280 mm. - Chiều dày 1 lớp: 0,15±0,03 mm. - Chiều rộng: số 6.5: 83±5mm; số 7.0: 89±5mm; số 7.5: 95±5mm; số 8.0: 102±6mm. - Cường lực kéo đứt: trước già hóa ≥ 14N; sau già hóa ≥ 12.5N. - Độ đàn hồi: trước già hóa ≥ 700%, sau già hóa ≥ 550%. - Hàm lượng Protein: ≤ 200µg/dm² - Lượng bột: ≤ 15mg/dm² - Mức độ nhiễm tĩnh điện: <100 V - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO; CE; CFS 	Đôi	81.000	
8	Oxy lỏng	Hàm lượng oxy ≥ 99.6%	Kg	157.000	

Tổng cộng: 15 mặt hàng

GIÁM ĐỐC

BS. CKII. Nguyễn Văn Hưng